

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU KÈ  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 03-6-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới;

Bà Trần Thị Thúy Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị Kiều T, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

**- Bị đơn:** Anh Phan Thanh Đ, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

Con chung của chị Hồ Thị Kiều T và anh Phan Thanh Đ là Phan Quốc H, sinh ngày 30/6/2016. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Thị Kiều T trình bày:**

Chị và anh Phan Thanh Đ chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Phan Quốc H, sinh ngày 30/6/2016 và Phan Quốc D, sinh ngày 26/01/2020 hiện nay do hai vợ chồng cùng nuôi dưỡng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng hay cự cãi chuyện tiền bạc chi tiêu trong nhà. Cụ thể là sau khi cưới nhau khoảng 01 tuần thì anh Đ kêu chị gửi hết lại vàng cưới cho mẹ anh Đ giữ nhưng chị không đồng ý. Chị nói là nếu gửi lại thì ai cho chị bao nhiêu chị gửi lại cho người đó bao nhiêu, tức là cha mẹ anh Đ cho chị 01 cây vàng 24kara, cha mẹ ruột của chị cho chị 01 cây vàng 24kara và 01 cây vàng 18kara.

Vì vậy chị và anh Đ mới cự cãi với nhau về chuyện này. Sau cùng thì chị cũng gửi lại cho mẹ chồng chị 01 cây vàng 24kara, hiện nay theo chị biết đã bán hết. Sau đó hai vợ chồng cùng đi làm thuê tại Bình Dương nhưng tiền ai nấy giữ và nấy xài nhưng khi có con thì có thuê người giữ, chị thì trả tiền cho người giữ con còn anh Đ thì trả tiền thuê nhà trọ ăn uống chung của vợ chồng và con. Ngoài ra thì sau khi cưới thì anh Đ kêu chị ở bên nhà ruột của anh Đ chị không đồng ý và anh Đ cũng không đồng ý về bên chị ở nên hai vợ chồng cũng cự cãi chuyện này. Ngoài ra thì không còn mâu thuẫn nào khác nữa.

Nay xét thấy không còn tình của vợ chồng nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về con chung chị yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Quốc H mà không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng, chị đồng ý giao con chung tên Phan Quốc D cho anh Đ nuôi dưỡng mà chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung chị không tranh chấp với anh Đ.

- Anh Phan Thanh Đ là bị đơn trình bày:

Anh thống nhất với chị T về thời điểm chung sống, có đăng ký kết hôn, về con chung đúng như chị T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do sau khi cưới nhau xong thì vợ anh kêu anh về bên vợ ở anh không đồng ý do anh là con út trong nhà nên dẫn đến anh và vợ hay cự cãi với nhau. Hiện nay thì anh cũng đồng ý về bên vợ ở rồi, đang chuẩn bị cất nhà ra ở riêng bên vợ nên không còn mâu thuẫn. Hiện tại hai vợ chồng còn ở chung với nhau chứ không có ly thân. Ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác nữa. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T mà yêu cầu đoàn tụ để nuôi các con chung. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Quốc D mà không yêu cầu chị T cấp dưỡng, anh đồng ý giao con chung tên Phan Quốc H cho chị T nuôi dưỡng mà anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh không tranh chấp với chị T.

- Cháu Phan Quốc H có lời khai như sau: Cháu là con chung của anh Đ và chị T. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ là chị T.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới và yêu cầu triệu tập thêm ai.

Ý kiến tranh luận của chị T: Không có.

Ý kiến tranh luận của anh Đ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kê từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị T với anh Đ. Do không chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T nên đề nghị không giải quyết về việc nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung. Buộc chị T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị T. Lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (Bút lục 03) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Thấy rằng gia đình là tế bào của xã hội, hôn nhân là công cụ bảo vệ và nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, bảo vệ mối quan hệ hôn nhân gia đình chính là góp phần làm phát triển xã hội. Do đó, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

[4] Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ: Chị T cho rằng hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau hay cự cãi chuyện gia đình nên chung sống không hạnh phúc. Cụ thể là cự cãi việc chi tiêu tiền bạc trong sinh hoạt hàng ngày, hơn nữa anh Đ không chịu về bên nhà ruột chị để ở sau khi cưới. Anh Đ thừa nhận sau khi cưới nhau thì chị T kêu anh về bên vợ ở anh không đồng ý do anh là con út trong nhà nên dẫn đến hai vợ chồng cự cãi với nhau. Hiện nay thì anh cũng đồng ý về bên vợ ở rồi, đang chuẩn bị cất nhà ra ở riêng bên vợ nên không còn mâu thuẫn.

Vấn đề này thấy rằng, từ khi nộp đơn khởi kiện cho đến nay, chị T không tìm giải pháp để xây dựng gia đình hạnh phúc mà cương quyết ly hôn với anh Đ nhưng không chứng minh được mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo yêu cầu của Tòa án (Bút lục số 32). Ngược lại anh Đ tìm mọi cách để hàn

gắn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn, mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc và lo nuôi dạy các con chung. Cụ thể là anh Đ đã về bên nhà vợ để ở và hai vợ chồng đang cất nhà để ở riêng và lo làm việc để xây dựng gia đình. Hơn nữa, nếu chị T và anh Đ ly hôn thì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và việc học hành của các con của anh chị.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng là bà Đỗ Thị S, ông Hồ Thanh Q và ông Phan Văn Th những người này là cha, mẹ ruột và cha chồng của chị T (Bút lục 43-45). Họ đều khẳng định là trước đây chị T và anh Đ có mâu thuẫn trong việc chi tiêu tiền bạc trong nhà do trước đây hai vợ chồng không thống nhất được chỗ ở sau khi kết hôn. Hiện nay chị T và anh Đ không còn cự cãi gì nữa mà đang cất nhà để ở riêng để chung sống với nhau. Hai vợ chồng chị T và anh Đ có thể tiếp tục chung sống với nhau mà không phải ly hôn vì hai con của chị T và anh Đ còn rất nhỏ. Nếu ly hôn thì sẽ khổ cho các cháu nên mong muốn cho chị T và anh Đ đoàn tụ với nhau. Đồng thời, qua xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi chị T và anh Đ chung sống thì được biết: "...Hiện tại hai vợ chồng T và Đ còn chung sống với nhau tại nhà bà Đỗ Thị S (mẹ ruột chị T). Hai vợ chồng T và Đ đang cất nhà để ở riêng đối diện với nhà của bà Sậm. Từ trước đến nay hai vợ chồng T và Đ không có cự cãi dẫn đến chính quyền địa phương phải hòa giải. Hiện tại không thấy hai vợ chồng cự cãi gì nữa..." (Bút lục 56).

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, căn cứ vào các điều 53, 54 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ là chưa có đủ cơ sở để chấp nhận.

[5] Do chưa có căn cứ cho chị T và anh Đ ly hôn nên về con chung, về chia tài sản chung, về nợ chung Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28; 35; 39; 147; 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kiều T về việc yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh Đ.

Do yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Kiều T với anh Phan Thanh Đ không được chấp nhận nên về con chung, về chia tài sản chung, về nợ chung Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hồ Thị Kiều T phải chịu án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền chị Hồ Thị Kiều T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008814 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị Hồ Thị Kiều T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Kiều T và anh Phan Thanh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự
- UBND xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Chí Điền**

